TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết Minh và ông Trần Công Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Trương Khang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/01/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Lin, Che C,** sinh ngày 02/10/1983; nơi cư trú: Số E, hẻm A, đường D, khóm C, phường D, khu V, thành phố Đ, Đài Loan (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: **Phan Thị Trà M,** sinh ngày 30/3/2001; nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số A, đường A, huyện T, thành phố B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn ông Lin, Che C trình bày:*

Ông và bà Phan Thị Trà M quen biết và tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 03/4/2023. Sau khi kết hôn, ông bảo lãnh bà M sang Đài Loan sinh sống, được 02 tháng thì bà Trà M trở về Việt Nam do vợ chồng bất đồng quan điểm, bất đồng ngôn ngữ nên tình cảm vợ chồng rạn nứt và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay ông làm đơn khởi kiện ly hôn với bà Phan Thị Trà M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngày 28/11/2023 ông Lin, Che C có đơn xin không hòa giải và xin vắng mặt trong các phiên họp và phiên tòa.

** Tại tờ tự khai, bà Phan Thị Trà M trình bày:*

Bà và ông Lin, Che C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 03/4/2023. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên mâu thuẫn, bà đồng ý ly hôn với ông Lin, Che C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngày 23/01/2024, bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lin, Che C, sinh ngày 02/10/1983, có nơi cư trú tại Đài Loan, bị đơn bà Phan Thị Trà M có nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Lin, Che C và bà Phan Thị Trà M có tự nguyện đăng ký và được Ủy ban nhân huyện P, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết số 14, ngày 03/4/2023, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày sau khi kết hôn, ông bà có nhiều mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà M về Việt Nam sinh sống. Giữa ông Lin, Che C và bà Phan Thị Trà M không còn tình cảm với nhau.

Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện ly hôn và bị đơn có văn bản đồng ý. Xét, vợ chồng không có điều kiện chung sống do tình cảm không còn, xa cách về địa lý, những bất đồng trong quan điểm và cách sống, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung, các đương sự trình bày

không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lin, Che C.

- Về hôn nhân: Ông Lin, Che C được ly hôn với bà Phan Thị Trà M.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Lin, Che C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000128 ngày 17/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Lin, Che C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị Trà M có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Thời hạn kháng cáo của ông Lin, Che C là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GĐ và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Giao